

Số: /GPMT-UBND

Sơn La, ngày

tháng 11 năm 2025

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; Nghị định số 131/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường; Nghị định số 136/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28/02/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Quyết định số 2550/QĐ-UBND ngày 12/10/2025 của UBND tỉnh Sơn La về việc giao chủ đầu tư các dự án đầu tư xây dựng Trường Nội trú liên cấp Tiểu học - Trung học cơ sở tại các xã biên giới của tỉnh Sơn La; Quyết định số 2595/QĐ-UBND ngày 21/10/2025 của UBND tỉnh Sơn La về việc áp dụng thực hiện cơ chế đặc thù để đầu tư xây dựng Trường Nội trú liên cấp Tiểu học và Trung học cơ sở tại các xã biên giới, trên địa bàn tỉnh Sơn La;

Xét Công văn số 611/BQLDA-QLDA ngày 28/10/2025 của Ban QLDA đầu tư xây dựng các công trình nông nghiệp và phát triển nông thôn về việc đề nghị cấp giấy phép môi trường của dự án Trường nội trú liên cấp Tiểu học - THCS Mường Hung; Công văn số 636/DANN-QLDA ngày 03/11/2025 của Ban QLDA đầu tư xây dựng các công trình nông nghiệp và phát triển nông thôn về việc tiếp thu, bổ sung, giải trình nội dung báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của dự án Trường nội trú liên cấp Tiểu học - THCS Mường Hung;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 1271/TTr-SNNMT ngày 05/11/2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp phép cho Ban QLDA đầu tư xây dựng các công trình nông nghiệp và phát triển nông thôn (*địa chỉ: Số 56A, đường Lò Văn Giá, phường Tô Hiệu, tỉnh Sơn La*) được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của dự án đầu tư Trường nội trú liên cấp Tiểu học - THCS Mường Hung tại xã Mường Hung, tỉnh Sơn La với những nội dung như sau:

1. Thông tin chung của chủ dự án đầu tư

1.1. Tên dự án đầu tư: Trường nội trú liên cấp Tiểu học - THCS Mường Hung.

1.2. Địa điểm hoạt động: Xã Mường Hung, tỉnh Sơn La.

1.3. Quyết định số 2550/QĐ-UBND ngày 12/10/2025 của UBND tỉnh Sơn La về việc giao chủ đầu tư các dự án đầu tư xây dựng Trường Nội trú liên cấp Tiểu học - Trung học cơ sở tại các xã biên giới của tỉnh Sơn La.

1.4. Mã số thuế: 5500533580.

1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: dự án xây dựng dân dụng (*công trình giáo dục*).

1.6. Phạm vi quy mô, công suất của Dự án:

- Diện tích: Diện tích theo dự án đầu tư được phê duyệt: 49.838m².

- Quy mô: Dự án có tiêu chí như Dự án nhóm B (*phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công*).

- Dự án có tiêu chí môi trường tương đương Dự án nhóm III theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường và Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ.

- Dự án gồm 4 khối công trình chính như sau:

+ Khối phòng học tập (*gồm: Nhà học lý thuyết tiểu học; nhà học lý thuyết THCS; nhà học bộ môn tiểu học; nhà học bộ môn THCS; nhà đa năng; bể bơi trong nhà; sân bóng đá*);

+ Khối hành chính (*gồm: Nhà Hành chính - Hiệu bộ; nhà thư viện, hội trường*);

+ Khối nhà chức năng (*gồm: Nhà ở học sinh nội trú cấp tiểu học; nhà ở học sinh nội trú cấp THCS; nhà công vụ dành cho giáo viên; nhà bếp ăn*);

+ Khối các công trình phụ trợ (*gồm: cổng chính, cổng phụ; nhà trường trực - bảo vệ; sân chào cờ, sân tập trung; tường rào; vườn thực nghiệm, vườn rau; nhà để*

xe; hệ thống đường nội bộ; hệ thống cấp điện sinh hoạt - chiếu sáng; hệ thống cấp nước sinh hoạt; hệ thống thoát nước thải, thoát nước mặt; Hệ thống xử lý nước thải tập trung; hệ thống PCCC; cây xanh).

- Dự án gồm hai khối lớp học (Tiểu học và THCS) với khoảng 1.000 học sinh và 60 giáo viên, nhân viên hỗ trợ.

2. Nội dung cấp Giấy phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo

2.1. Được phép xả nước thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục số 01 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Được phép xả khí thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 02 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường tại Phụ lục số 03 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.4. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục số 04 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.5. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục số 05 ban hành kèm theo Giấy phép này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Ban QLDA đầu tư xây dựng các công trình nông nghiệp và phát triển nông thôn

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 của Luật Bảo vệ môi trường.

2. Ban QLDA đầu tư xây dựng các công trình nông nghiệp và phát triển nông thôn có trách nhiệm

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả nước thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này, phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: **10 (mười)** năm.

(từ ngày tháng 11 năm 2025 đến hết ngày tháng 11 năm 2035).

Điều 4. Giao Sở Nông nghiệp và Môi trường tổ chức kiểm tra việc thực hiện các nội dung quy định tại Giấy phép môi trường này và các yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với Dự án được cấp phép môi trường theo đúng quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- TT Tỉnh ủy (b/c);
- Chủ tịch UBND tỉnh (b/c);
- Các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Các Sở: NN&MT, XD, KH&CN, GD&ĐT;
- Ban QLDA đầu tư xây dựng các công trình nông nghiệp và phát triển nông thôn;
- Chánh Văn phòng UBND tỉnh;
- UBND xã Mường Hung;
- Trung tâm thông tin tỉnh (để công bố);
- Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh;
- Lưu: VT, KT - Hiệu 16 bản.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Nguyễn Thành Công

Phụ lục số 01

NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-UBND ngày /11/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh Sơn La)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI

1. Nguồn phát sinh nước thải

- Nguồn thải số 01: Nước thải sinh hoạt phát sinh từ nhà vệ sinh khu nhà ở công vụ cho giáo viên;
- Nguồn thải số 02: Nước thải sinh hoạt phát sinh từ nhà vệ sinh khu vực nhà ở học sinh cấp tiểu học;
- Nguồn thải số 03: Nước thải sinh hoạt phát sinh từ nhà vệ sinh khu vực nhà ở học sinh cấp THCS;
- Nguồn thải số 04: Nước thải sinh hoạt phát sinh từ nhà vệ sinh khu vực nhà học lý thuyết tiểu học;
- Nguồn thải số 05: Nước thải sinh hoạt phát sinh từ nhà vệ sinh khu vực nhà học lý thuyết THCS;
- Nguồn thải số 06: Nước thải sinh hoạt phát sinh từ nhà vệ sinh khu vực nhà học bộ môn tiểu học;
- Nguồn thải số 07: Nước thải sinh hoạt phát sinh từ nhà vệ sinh khu vực nhà học bộ môn THCS;
- Nguồn thải số 08: Nước thải sinh hoạt phát sinh từ nhà vệ sinh khu nhà ăn.
- Nguồn thải số 09: Nước thải phát sinh từ khu vực nấu ăn nhà bếp
- Nguồn thải số 10: Nước thải sinh hoạt phát sinh từ nhà vệ sinh khu nhà hành chính - hiệu bộ;
- Nguồn thải số 11: Nước thải từ quá trình súc rửa bình lọc bể bơi.

2. Dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải

2.1. Nguồn tiếp nhận nước thải: Khe suối phía Bắc dự án.

2.2. Vị trí xả nước thải

- Hệ thống rãnh thoát nước tiếp giáp phía Tây dự án.
- Tọa độ vị trí xả nước thải: $X = 2316739$, $Y = 486230$ (theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực $104^{\circ}00'$ múi chiều 3°).

- Điểm xả nước thải sau xử lý phải có biển báo rõ ràng, thuận lợi cho việc kiểm tra, giám sát xả thải theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 87 của Luật Bảo vệ môi trường.

2.3. Lưu lượng xả nước thải lớn nhất: 130m³/ngày.đêm.

2.4. Phương thức xả thải: bơm cưỡng bức qua ống D200 thu gom nước từ sau Hệ thống xử lý nước thải ra điểm xả ra khe suối (*phía Bắc dự án*) chảy ra sông Mã có tổng chiều dài 50m.

2.5. Chế độ xả nước thải: Gián đoạn bằng bơm cưỡng bức

2.6. Chất lượng nước thải trước khi xả vào nguồn nước tiếp nhận phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 14:2025/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt, cột B cụ thể như sau:

TT	Các chất ô nhiễm cấp phép	Đơn vị	Giá trị tối đa cho phép QCVN 14:2025/BTNMT	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
1	pH	—	5 ÷ 9	Không thuộc đối tượng phải quan trắc nước thải định kỳ theo quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP	Không thuộc đối tượng phải quan trắc nước thải tự động theo quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP
2	Nhu cầu ôxy sinh hóa (BOD5 ở 20°C)	mg/l	≤30		
3	Nhu cầu oxy hóa học (COD)	mg/l	≤60		
4	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/l	≤100		
5	Amoni (N-NH ₄ ⁺), tính	mg/l	≤8,0		
6	Tổng Nitơ (T-N)	mg/l	≤30		
7	Tổng Phốt pho (T-P)	mg/l	≤3,0		
8	Tổng Coliforms	MPN hoặc CFU/100m	≤5.000		
9	Sunfua (S ²⁻)	mg/l	≤0,5		
10	Dầu mỡ động thực vật	mg/l	≤15		
11	Chất hoạt động bề mặt	mg/l	≤5,0		

B. YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải

1.1.1. Nước thải sinh hoạt

Nước thải từ các nguồn số 01, 02, 03, 04, 05, 06, 07, 08, 09: Nước thải sinh hoạt phát sinh từ nhà vệ sinh khu vực nhà ở công vụ cho giáo viên, nhà ở học sinh cấp tiểu

học, nhà ở học sinh cấp THCS, nhà học lý thuyết tiểu học, nhà học lý thuyết THCS, nhà học bộ môn tiểu học, nhà học bộ môn THCS, nhà hành chính - hiệu bộ, nhà ăn được xử lý sơ bộ tại 40 bể tự hoại 03 ngăn và 01 bể tách dầu (*đối với nước thải nhà ăn*) trước khi thu gom về Hệ thống xử lý nước thải tập trung, rồi sẽ được bơm cưỡng bức qua hệ thống đường ống thoát nước thải của dự án vào nguồn tiếp nhận là hệ thống rãnh thoát nước tiếp giáp phía Tây dự án.

1.1.2. Nước xả kiệt bể bơi

Nước thải từ nguồn số 10: là dòng nước xả kiệt bể bơi được bơm cưỡng bức qua hệ thống đường ống thoát nước thải của dự án dẫn vào hệ thống rãnh thoát nước tiếp giáp phía Tây dự án.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải

- Công nghệ xử lý: Công nghệ xử lý sinh học với thiết bị xử lý hợp khối.

- Tóm tắt quy trình công nghệ Hệ thống xử lý nước thải tập trung: Nước thải phát sinh từ các nguồn theo các đường ống thu gom → ngăn tách rác → bể điều hoà → bể yếm khí → thiết bị xử lý hợp khối → bể trung gian → bể lắng → bể khử trùng → Hệ thống rãnh thoát nước tiếp giáp phía Tây dự án.

- Công suất thiết kế: 130m³/ngày.đêm.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: Javen, mật rỉ đường (*hoặc các hóa chất khác tương đương đảm bảo chất lượng nước thải sau xử lý đạt yêu cầu và không phát sinh thêm chất ô nhiễm quy định tại mục 2.6 Phần A của Phụ lục này*).

1.3. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố

- Niêm yết các quy trình vận hành hệ thống xử lý nước thải tại khu vực Trạm xử lý; ban hành quy trình ứng phó sự cố đối với hệ thống xử lý nước thải trong từng trường hợp sự cố có thể xảy ra.

- Lập sổ theo dõi, nhật ký vận hành xử lý.

- Định kỳ hàng năm, thực hiện kiểm tra, duy tu, bảo dưỡng thiết bị, máy móc trong hệ thống xử lý nước thải, hệ thống thu gom và thoát nước thải.

- Thường xuyên giám sát chất lượng nước thải đầu vào của hệ thống xử lý nước thải, đảm bảo tiêu chuẩn nước thải đầu vào nhằm đảm bảo hiệu suất xử lý của hệ thống.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm

2.1. Thời gian dự kiến vận hành thử nghiệm: Từ 03 tháng đến 06 tháng kể từ ngày bắt đầu vận hành thử nghiệm.

2.2. Công trình, thiết bị xả nước thải phải vận hành thử nghiệm

Hệ thống xử lý nước thải tập trung Trường Nội trú liên cấp Tiểu học - THCS Mường Hung công suất 130m³/ngày.đêm.

2.2.1. Vị trí lấy mẫu

- Bể điều hòa Hệ thống xử lý nước thải tập trung.

- Diểm xả thải sau Hệ thống xử lý nước thải tập trung.

2.2.2. Chất ô nhiễm và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm

Theo giá trị giới hạn cho phép quy định tại mục 2.6 Phần A Phụ lục này.

2.3. Tần suất lấy mẫu

Trong giai đoạn vận hành ổn định của công trình xử lý nước thải.

- Thời gian đánh giá: 03 ngày liên tiếp sau giai đoạn điều chỉnh (*giai đoạn hiệu chỉnh do Chủ dự án tự xem xét trong quá trình vận hành thử nghiệm của công trình xử lý nước thải*).

- Loại mẫu: mẫu đơn.

- Tần suất quan trắc: 01 ngày/lần (*đo đạc, lấy và phân tích mẫu đơn đối với 01 mẫu nước thải đầu vào tại bể điều hòa và 03 mẫu nước thải đầu ra sau bể khử trùng*).

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

3.1. Thu gom, xử lý toàn bộ nước thải phát sinh từ các hoạt động dự án bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Phần A Phụ lục này trước khi xả thải ra môi trường.

3.2. Đảm bảo phương án đấu nối, đảm bảo các yêu cầu về tiêu thoát nước và vệ sinh môi trường trong quá trình vận hành dự án.

3.3. Xây dựng điểm quan trắc nước thải đảm bảo theo đúng quy định tại khoản 4 Điều 8 quy định Bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh ban hành kèm theo Quyết định số 22/2022/QĐ-UBND ngày 06/7/2023 của UBND tỉnh Sơn La.

3.4. Có sổ nhật ký vận hành, ghi chép đầy đủ thông tin của quá trình vận hành thử nghiệm công trình xử lý nước thải. Trong quá trình vận hành thử nghiệm công trình xử lý nước thải, nếu nước thải sau xử lý không đáp ứng quy chuẩn cho phép xả thải thì Chủ dự án phải có trách nhiệm thực hiện đầy đủ các nội dung quy định tại Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ được sửa đổi, bổ sung tại khoản 13 Điều 1 Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ.

3.5. Tổng hợp, đánh giá số liệu quan trắc nước thải, phân định chất thải và lập báo cáo kết quả vận hành thử nghiệm công trình xử lý nước thải, gửi Sở Nông nghiệp và Môi trường trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày kết thúc vận hành thử nghiệm công trình xử lý nước thải.

3.6. Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, hóa chất để thường xuyên vận hành hiệu quả các hệ thống, công trình thu gom, xử lý nước thải. Việc vận hành công trình xử lý nước thải tập trung phải có nhật ký vận hành ghi chép đầy đủ các thông tin liên quan: lưu lượng (*đầu vào, đầu ra*), các thông số đặc trưng của nước thải đầu vào và đầu ra (*nếu có*); lượng điện tiêu thụ; loại và lượng hóa chất sử dụng, bùn thải phát sinh; nhật ký vận hành viết bằng tiếng Việt và lưu giữ tối thiểu 02 năm.

3.7. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi có bất kỳ thông số nào không đạt yêu cầu quy định tại mục 2.6 Phần A Phụ lục này và phải dừng ngay việc xả nước thải để thực hiện các biện pháp khắc phục.

Phụ lục số 02**NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-UBND ngày /11/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh Sơn La)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI

1. Nguồn phát sinh khí thải: Khí thải (*mùi hôi*) phát sinh tại các ngăn tách rác, bể điều hòa, bể yếm khí, thiết bị xử lý hợp khối, bể trung gian, bể chứa bùn... của hệ thống xử lý nước thải.

2. Dòng khí thải, vị trí xả khí thải:

2.1. Vị trí xả khí thải: Tại ống xả thải của công trình xử lý khí thải (*mùi hôi*) phát sinh tại các ngăn tách rác, bể điều hòa, bể yếm khí, thiết bị xử lý hợp khối, bể trung gian, bể chứa bùn... của hệ thống xử lý nước thải đặt tại ô đất kỹ thuật xây dựng hệ thống xử lý nước thải. Tọa độ vị trí xả khí thải: X = 2316740m; Y = 487198m (*hệ tọa độ VN 2000 kinh tuyến 104⁰⁰, múi chiếu 3⁰*).

2.2 Lưu lượng xả khí thải lớn nhất: 360m³/h.

2.2.1. Phương thức xả khí thải: Liên tục (24/24 giờ).

2.2.2. Chất lượng khí thải trước khi xả vào môi trường không khí phải đảm bảo đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật môi trường đối với bụi, khí thải (QCVN 19:2024/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp (cột A)), cụ thể như sau:

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép	Tần Suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
1	Hydro sunphua (H ₂ S)	mg/Nm ³	≤6	Không thuộc đối tượng	Không thuộc đối tượng
2	Amoniac (NH ₃)	mg/Nm ³	≤15		
3	Metyl mercaptan (CH ₃ SH)	mg/Nm ³	≤10		

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI**1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý khí thải**

1.1. Mạng lưới thu gom khí thải từ các nguồn phát sinh khí thải để đưa về hệ thống xử lý khí thải

Khí thải (*mùi hôi*) phát sinh tại các ngăn tách rác, bể điều hòa, bể yếm khí, thiết bị xử lý hợp khối, bể trung gian, bể chứa bùn của công trình xử lý nước thải có thành phần chủ yếu là H₂S, NH₃, CH₃SH được thu gom bằng quạt hút (*công suất*

360m³/ngày.đêm) qua các đường ống tôn mạ kẽm D400mm về công trình xử lý khí thải (mùi hôi).

1.2. Công trình, thiết bị xử lý khí thải

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Khí thải (mùi hôi) => Hệ thống ống dẫn tôn mạ kẽm đường kính D400mm => Quạt hút (lưu lượng 360m³/giờ) => 01 tháp rửa khí (scrubber hóa học) + tháp hấp phụ than hoạt tính (hình trụ, D800 - 1.000mm, chiều cao 2,5-3m) => Ống thải (ống FRP D200mm, chiều cao 3m so với mặt đất).

- Công suất thiết kế: 360m³/giờ.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: Than hoạt tính với khối lượng 250 kg/năm, tần suất thay than 06 lần/năm (02 tháng/lần).

1.3. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố

- Thường xuyên theo dõi hoạt động và thực hiện bảo dưỡng định kỳ thiết bị xử lý khí thải; dự phòng thiết bị thay thế khi thiết bị xử lý khí thải hỏng hóc.

- Trường hợp các thông số ô nhiễm trong khí thải vượt quy chuẩn kỹ thuật môi trường trước khi xả thải, cán bộ vận hành tiến hành kiểm tra tháp hấp phụ, quạt hút, theo quy trình vận hành hệ thống, kiểm tra toàn bộ hệ thống để tìm kiếm nguyên nhân và phạm vi sự cố để tiến hành xử lý.

- Trường hợp công trình, thiết bị xử lý khí thải gặp sự cố, phải thay thế, sửa chữa kịp thời hoặc trường hợp sự cố kéo dài sẽ báo cáo người có thẩm quyền để kiểm tra, khắc phục.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm: Cùng với thời gian vận hành thử nghiệm công trình xử lý nước thải.

2.2. Công trình, thiết bị xả khí thải vận hành thử nghiệm

2.2.1. Vị trí lấy mẫu: Tại ống thải sau công trình xử lý khí thải (mùi hôi) phát sinh từ công trình xử lý nước thải. Tọa độ: X = 2316740m, Y = 487198m (hệ tọa độ VN 2000 kinh tuyến 104⁰, múi chiếu 3⁰).

2.2.2. Chất ô nhiễm và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm: theo nội dung tại mục 2.2.2 phần A Phụ lục này.

2.3. Tần suất lấy mẫu trong giai đoạn vận hành ổn định của công trình xử lý khí thải.

- Thời gian đánh giá: 03 ngày liên tiếp sau giai đoạn điều chỉnh (giai đoạn hiệu chỉnh do Chủ dự án tự xem xét trong quá trình vận hành thử nghiệm của công trình xử lý khí thải).

- Loại mẫu: mẫu đơn.

- Tần suất quan trắc: 01 ngày/lần (*đo đạc, lấy và phân tích mẫu đơn hoặc mẫu được lấy mẫu bằng thiết bị lấy mẫu liên tục trước khi xả thải ra môi trường của công trình xử lý bụi, khí thải*).

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

3.1. Thu gom, xử lý khí thải phát sinh từ hoạt động của dự án đảm bảo đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại mục 2.2.2 Phần A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

3.2. Có sổ nhật ký vận hành, ghi chép đầy đủ thông tin của quá trình vận hành thử nghiệm công trình xử lý khí thải. Trong quá trình vận hành thử nghiệm, thực hiện nghiêm túc, đầy đủ trách nhiệm các nội dung quy định tại Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ được sửa đổi, bổ sung tại khoản 13 Điều 1 Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ.

3.3. Tổng hợp, đánh giá số liệu quan trắc khí thải, phân định chất thải và lập báo cáo kết quả vận hành thử nghiệm công trình xử lý khí thải, gửi Sở Nông nghiệp và Môi trường trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày kết thúc vận hành thử nghiệm công trình xử lý nước thải.

3.4. Bảo đảm bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, hóa chất để thường xuyên vận hành hiệu quả các hệ thống, công trình thu gom, xử lý khí thải. Việc vận hành hệ thống xử lý khí thải tập trung phải có nhật ký vận hành ghi chép đầy đủ các thông tin liên quan; nhật ký vận hành viết bằng tiếng Việt và lưu giữ tối thiểu 02 năm.

3.5. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi có bất kỳ thông số nào không đạt yêu cầu của quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại mục 2.2.2 Phần A phụ lục này và ngừng ngay việc xả khí thải để thực hiện các biện pháp khắc phục, không được phép xả khí thải chưa được xử lý đạt quy chuẩn quy định ra môi trường.

3.6. Thực hiện các biện pháp kiểm soát nhằm giảm thiểu khí thải từ hoạt động thu gom, lưu giữ rác.

Phụ lục số 03**BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG
VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-UBND ngày /11/2025
của Chủ tịch UBND tỉnh Sơn La)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG**1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung**

- Nguồn số 01: Tiếng ồn, độ rung từ các thiết bị được lắp đặt tại hệ thống xử lý nước thải.

2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung

- Nguồn số 01: Tọa độ X = 2316740m; Y = 487198m (Hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực 104⁰⁰’ múi chiếu 3⁰).

3. Tiếng ồn, độ rung phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung (áp dụng đến ngày 31/12/2026), QCVN 26:2025/BNNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2025/BNNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung (áp dụng từ ngày 01/01/2027), cụ thể như sau:

3.1. Tiếng ồn

- Theo QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn:

TT	Khu vực	Đơn vị	QCVN 26:2010/BTNMT	
			Từ 6 ^{h00'} đến 21 ^{h00'}	Từ 21 ^{h00'} đến 6 ^{h00'}
1	Khu vực đặc biệt	dBA	55	45

- Theo QCVN 26:2025/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn:

TT	Nguồn phát sinh	Khoảng thời gian			Tần suất quan trắc định kỳ
		Ngày (06 ^{h00'} đến trước 18 ^{h00'})	Tối (18 ^{h00'} đến trước 22 ^{h00'})	Đêm (22 ^{h00'} đến trước 06 ^{h00'})	
1	Khu vực A	50	45	40	-

3.2. Độ rung:

- Theo QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung:

TT	Khu vực	Đơn vị	QCVN 27:2010/BTNMT	
			Từ 6 ^{h00'} đến 21 ^{h00'}	Từ 21 ^{h00'} đến 6 ^{h00'}
1	Khu vực đặc biệt	dBA	75	mức nền

- Theo QCVN 27:2025/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung:

TT	Nguồn phát sinh	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép (dB)		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
		Ngày (06 ^h 00' ~ trước 22 ^h 00')	Đêm (22 ^h 00' ~ trước 06 ^h 00')		
1	Khu vực A	60	55	-	

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG

1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung

1.1. Thường xuyên bảo dưỡng (*tra dầu, mỡ, vệ sinh*) đảm bảo động cơ hoạt động ổn định và hạn chế phát sinh tiếng ồn.

1.2. Đối với các thiết bị có phát sinh độ rung phải được kê các đệm chân đế máy để hạn chế độ rung. Định kỳ bảo dưỡng, hiệu chuẩn đối với các thiết bị để hạn chế phát sinh tiếng ồn, độ rung theo quy định (*nếu có*).

1.3. Trồng cây xanh xung quanh khu đất dự án để ngăn cản và giảm tiếng ồn.

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

2.1. Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép theo quy định tại Phần A Phụ lục này.

2.2. Định kỳ bảo dưỡng, hiệu chuẩn đối với các thiết bị để hạn chế phát sinh tiếng ồn, độ rung.

Phụ lục số 04**YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI,
PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMТ-UBND ngày /11/2025
của Chủ tịch UBND tỉnh Sơn La)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI**1. Chủng loại, khối lượng chất thải phát sinh**

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại (CTNH) phát sinh thường xuyên

TT	Tên chất thải	Trạng thái tồn tại	Số lượng trung bình (kg/năm)	Mã CTNH
1	Pin thải, ắc quy thải	Rắn	15	16 01 13
2	Thiết bị, linh kiện điện tử thải hoặc các thiết bị điện thải có linh kiện điện tử; đèn led	Rắn	21	16 10 13
3	Giẻ lau dính dầu nhớt, dính thành phần chất thải nguy hại	Rắn	04	18 02 01
4	Than hoạt tính thải từ công trình xử lý khí thải	Rắn	150	18 02 02
	Tổng		190	

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh

TT	Tên chất thải	Mã chất thải	Khối lượng phát sinh (kg/năm)
1	Bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải	12 06 10	4.400
	Tổng khối lượng		4.400

1.3. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh

Khi Dự án đi vào hoạt động, chất thải rắn sinh hoạt phát sinh từ hoạt động của cán bộ giáo viên và học sinh của trường bao gồm chất thải rắn có khả năng tái sử dụng, tái chế (*bao nilon, vỏ lon, thủy tinh, giấy vụn,...*); chất thải thực phẩm (*rau quả, thực phẩm thừa,...*), chất thải rắn sinh hoạt phải xử lý với khối lượng phát sinh khoảng 318kg/ngày.

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại

2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại

2.1.1. Thiết bị lưu chứa chất thải: Trang bị 05 thùng chứa loại 120 lít có nắp đậy, dán nhãn, mã chất thải nguy hại để lưu chứa từng loại chất thải nguy hại.

2.1.2. Khu vực lưu chứa

- Diện tích kho lưu chứa chất thải nguy hại: 25m².

- Thiết kế, cấu tạo của kho chứa: Tường gạch bao xung quanh; nền lát gạch, chống thấm, đảm bảo kín khít, không bị thấm thấu; có nền cao hơn mặt bằng xung quanh, đảm bảo ngăn nước mưa chảy tràn từ bên ngoài vào; đảm bảo không chảy tràn chất thải lỏng ra bên ngoài khi có sự cố rò rỉ, đổ tràn; được bố trí ở tầng 1 nên kín nắng, không bị mưa tạt; có biển cảnh báo; trang bị đầy đủ thiết bị, dụng cụ phòng cháy chữa cháy theo quy định của pháp luật về phòng cháy chữa cháy; có vật liệu hấp thụ (*như cát khô*)... theo quy định.

2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn thông thường

2.2.1. Thiết bị lưu chứa

- Trang bị 01 thùng chứa màu cam loại 240 lít có nắp đậy để lưu chứa dầu, mỡ thải. Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển, xử lý theo đúng quy định; tần suất thu gom 01 tuần/lần.

- Bùn thải từ công trình xử lý nước thải, bể tự hoại được hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển, xử lý theo quy định; tần suất thu gom 06 tháng/lần.

- Hộp mực in văn phòng được nhà cung cấp thu gom về sau khi sử dụng.

2.2.2. Kho lưu chứa: Bố trí cùng kho chứa chất thải rắn sinh hoạt từ hoạt động nấu ăn tại phòng chứa rác diện tích 25m² (*kế bên kho lưu chứa chất thải nguy hại*).

2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt

2.3.1 Thiết bị lưu chứa: Chất thải rắn sinh hoạt được phân loại và thu gom vào các thùng chứa riêng biệt, dung tích 40 – 500 lít.

2.3.2 Khu vực lưu chứa

- Đối với rác thải sinh hoạt lưu chứa tại cổng trường học (*đơn vị chức năng thu gom vào cuối ngày, tần suất 01 lần/ngày*).

- Đối với rác thải từ hoạt động nấu ăn lưu chứa tại phòng chứa rác diện tích 25m² (*kế bên kho lưu chứa chất thải nguy hại*) và được thu gom, vận chuyển xử lý theo quy định. Tần suất 01 lần/ngày.

- Thiết kế, cấu tạo của kho lưu chứa: Tường gạch bao xung quanh; nền lát gạch, chống thấm, đảm bảo kín khít, không bị thấm thấu; có nền cao hơn mặt bằng xung quanh, đảm bảo ngăn nước mưa chảy tràn từ bên ngoài vào. Kho chứa được bố trí ở tầng 1 nên kín nắng, không bị mưa tạt; có dán nhãn phân biệt khu vực lưu chứa.

2.4. Yêu cầu bảo vệ môi trường chung đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại.

- Xây dựng quy định quản lý trường học, hướng dẫn nhân viên thực hiện việc phân loại chất thải rắn sinh hoạt tại nguồn (*rác có khả năng tái sử dụng, tái chế; rác thải thực phẩm; rác thải phải xử lý, chất thải nguy hại*), trang bị các bao bì, thùng chứa

(dán nhãn theo từng loại rác thải) phù hợp để lưu trữ các loại chất thải; vận chuyển đến kho lưu chứa chung.

- Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp và chất thải nguy hại theo quy định.

- Các thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại, chất thải rắn thông thường, chất thải rắn sinh hoạt phải đáp ứng đầy đủ yêu cầu theo quy định tại các Điều 33, 34, 36, 37 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.

Các thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại, chất thải công nghiệp phải kiểm soát, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải rắn sinh hoạt phải đáp ứng đầy đủ yêu cầu theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường và các văn bản hướng dẫn thi hành.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

1. Thực hiện trách nhiệm phòng ngừa sự cố môi trường, chuẩn bị ứng phó sự cố môi trường, tổ chức ứng phó sự cố môi trường, phục hồi môi trường sau sự cố môi trường theo quy định tại Điều 122, Điều 124, Điều 125 và Điều 126 của Luật Bảo vệ môi trường.

2. Có trách nhiệm ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch ứng phó sự cố môi trường của Dự án theo quy định tại khoản 4 Điều 124 của Luật Bảo vệ môi trường 2020 và có trách nhiệm công khai kế hoạch ứng phó sự cố môi trường của Dự án; gửi kế hoạch ứng phó sự cố môi trường tới UBND xã Mường Hung và Ban chỉ huy Phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn xã Mường Hung theo quy định tại khoản 3 Điều 110 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ; đồng thời, có trách nhiệm thông báo cho UBND xã Mường Hung về nguy cơ sự cố môi trường và biện pháp ứng phó sự cố môi trường để thông tin cho tổ chức, cá nhân, cộng đồng dân cư xung quanh theo quy định tại khoản 2 Điều 129 của Luật Bảo vệ môi trường.

3. Tuân thủ các quy định của pháp luật về phòng cháy chữa cháy theo quy định.

Phụ lục số 05**CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số _____ /GPMT-UBND ngày ____/11/2025
của Chủ tịch UBND tỉnh Sơn La)

1. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các nội dung trong báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của Dự án. Trường hợp có thay đổi so với nội dung giấy phép đã được cấp, phải báo cáo UBND tỉnh, Sở Nông nghiệp và Môi trường để xem xét, giải quyết.
2. Thực hiện đúng, đầy đủ các quy định của pháp luật về lĩnh vực đất đai, tài nguyên nước, môi trường, xây dựng, đầu tư, công nghệ và các quy định của pháp luật có liên quan khác trong quá trình hoạt động của Dự án.
3. Quản lý các loại chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động đảm bảo các yêu cầu về vệ sinh môi trường và theo đúng các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường. Thực hiện phân định, phân loại các loại chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải công nghiệp cần phải kiểm soát và chất thải nguy hại theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ, Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 và Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28/02/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.
4. Bồi thường, khắc phục sự cố môi trường nếu để xảy ra sự cố môi trường trong quá trình hoạt động của Dự án theo quy định của pháp luật hiện hành. Sử dụng hiệu quả, tiết kiệm tài nguyên nước; tuân thủ các quy định của pháp luật về phòng cháy chữa cháy theo quy định hiện hành.
5. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hằng năm hoặc đột xuất, trong đó có nội dung cập nhật về khối lượng, chủng loại chất thải phát sinh theo quy định; công khai thông tin môi trường và kế hoạch ứng phó sự cố môi trường theo quy định của pháp luật.
6. Bố trí nhân sự phụ trách về bảo vệ môi trường được đào tạo chuyên ngành môi trường hoặc lĩnh vực chuyên môn phù hợp theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường.
7. Đảm bảo tính chính xác, trung thực và chịu trách nhiệm trước pháp luật về các thông tin, số liệu, các vấn đề về môi trường và kết quả tính toán trong hồ sơ đề nghị cấp giấy phép môi trường của Dự án. Chịu trách nhiệm trước pháp luật trong trường hợp gây ô nhiễm môi trường, ô nhiễm nguồn nước, vi phạm pháp luật bảo vệ môi trường hoặc gây bức xúc trong nhân dân, tạo dư luận xã hội.
8. Thực hiện đúng, đầy đủ trách nhiệm theo quy định pháp luật về bảo vệ môi trường và các quy định pháp luật khác có liên quan. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật, quy chuẩn kỹ thuật môi trường nêu tại Giấy phép môi trường này có sửa đổi, bổ sung hoặc được thay thế thì thực hiện theo quy định tại văn bản mới./.